

Nghĩa Châu, ngày 06 tháng 10 năm 2025

DỰ TOÁN

Thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2025- 2026

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/VBHN – BGDDT ngày 13/04/2021 ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ quyết định số 116/2025/QĐ-UBND kèm theo quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NQ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ Quy định thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ tiền đóng học phí theo quy định.

Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025 - 2026 của ngành Giáo dục;

Căn cứ công văn số 758/SGDDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình ngày 10/09/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026.

Căn cứ công văn số 927/SGDDĐT - TC của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình ngày 25/09/2025 về việc thực hiện các khoản thu tại cơ sở công lập năm học 2025-2026.

Căn cứ công văn số 529 /UBND-VHXXH ngày 02/10/2025 của UBND xã Nghĩa Hưng về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026

Căn cứ vào Nghị quyết chi bộ của trường Mầm non Nghĩa Châu họp vào ngày 03/10/2025

Trường Mầm non Nghĩa Châu lập dự toán thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025- 2026 như sau:

*** Số liệu cơ bản của trường**

1.	Số lớp nhà trẻ	5
2.	Số trẻ	117
3.	Số lớp mẫu giáo	12
4.	Số học sinh	453
5.	Tổng số lớp	17
6.	Tổng số học sinh bình quân đến lớp của 9 tháng	453
7.	Tỷ lệ ăn bán trú bình quân:	100%
8.	Số trẻ ăn bán trú bình quân	453

*** Dự toán chi tiết**

I. Tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh

1.	Số lớp	17
2.	Số học sinh	453
3.	Số học sinh miễn, thất thu ...	0
4.	Số học sinh thực thu	453
5.	Thời gian quét, dọn, cọ rửa lớp học, nhà vệ sinh một ngày 2 lần x15'/phòng x14 phòng = 420/60' = 7h	7h
6.	Thời gian quét, dọn, cọ rửa lớp học, nhà vệ sinh 22 ngày = 7h * 22 ngày = 154 h	154 h

-	Quy ra công = 154 h /8h = 19,25 công	19,25 công
7.	Tiền công một ngày: 3.860.000/22 ngày = 175.000đ	175.000 đ
8.	Số tiền công phải trả 1 tháng: 175.000đ * 19,25 công = 3.368.700đ	3.368.700
9.	Công cụ, dụng cụ lao động, hóa chất...	42.844.000
-	Cây lau nhà 2 cây/lớp/năm x 105.000/cây x17 lớp	3.570.000
-	Bàn chải giặt: 18.000đ/cái x 29 cái	522.000
-	Cọ nhà vệ sinh loại tròn: 13.500đ/cái x 17 lớp x 1 cái/năm	229.500
-	Cọ nhà vệ sinh loại chải: 13.500đ/cái x 17 lớp x 1 cái/năm	229.500
-	Chổi quét nước : 44.000 đ/cái x 17 lớp x 1 cái/năm	748.000
-	Chổi rơm : 44.000 đ/cái x 39 cái	1.716.000
-	Găng tay cao su: 63 đôi x 32.000/đôi	2.016.000
-	Nước tẩy WC: 45.000 đ/chai x 171 chai	7.695.000
-	Thảm lau chân: 47.500đ/cái x 58 cái	2.755.000
-	Ủng đi chân loại cao: 112.000đ/cái x 27 đôi	3.024.000
-	Hót rác tay dài. Quy cách: Hàng Việt Nhật: 29.500đ/cái x 12 cái	354.000
-	Chổi quét màng nhện: 195.000đ/cái x 7 cái	1.365.000
-	Gang tay ni lông: 15.000 đ/cái x 29 hộp	435.000
-	Khăn lau tay treo: 18.000 đ/cái x 17 lớp x 2 cái/năm	612.000
-	Bột thông tắc bồn cầu: 30.000 đ/gói x 90 gói	2.700.000
-	Men xử lý bề phốt: 30.000 đ/gói x 90 gói	2.700.000
-	Túi bóng đựng rác: 42.000đ/kg x 153kg	6.426.000
-	Bột chua: 62.000đ/kg x 17 lớp x 1kg/năm	1.054.000
-	Khẩu trang y tế: 55.000đ/hộp x 29 hộp	1.595.000
-	Tạp giẻ: 40.000đ/cái x 12 cái	480.000
-	Xô nhựa không nắp 10L: 34.000 đ/cái x 17 lớp x 1 cái/năm	578.000
-	Chậu nhựa to F60 dày: 120.000 đ/cái x 17 lớp x 1 cái/năm	2.040.000
-	Bình quân Công cụ, dụng cụ lao động, hoá chất... 1 tháng	4.760.400đ
-	Cộng chi phí vệ sinh 1 tháng = 3.368.700đ + 4.760.400đ	8.129.100
	Một tháng 1 học sinh phải nộp: 8.129.100/453hs	17.945 đ
10.	Dự kiến mức thu một tháng	18.000 đ

II. Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú

1.	Số người nuôi ăn nhà trẻ = 117 trẻ/35	3,3 người
2.	Số người nuôi ăn mẫu giáo = 336 trẻ/55	6,1 người
-	Cộng	10 người
-	Dự kiến thuê	10 người
-	Số tiền công thuê người nấu ăn bán trú trả Theo nghị định 74/NĐ-CP ngày 30/06/2024: (3.860.000+3.860.000x21,5% các khoản đóng góp (trong đó 17,5% BHXH, 3% BHYT, 1% BHTN) = 3.860.000+830.000 = 4.690.000 đồng/tháng	4.690.000
	4.690.000đ/người *10 người = 46.900.000 đồng	46.900.000
-	Một cháu phải nộp 1 tháng là 46.900.000/453 HS	103.500
3.	Dự kiến mức thu một tháng	100.000

III. Tiền quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính

1.	Thời gian cô phải đi trước đón trẻ sáng từ 6h30 đến 7h=30'	
2.	Trực trưa từ 11h đến 13h = 2h	
3.	Tổng thời gian làm thêm 2h30' Hưởng 150% theo Điểm a Khoản 1 Mục IV Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC= 2h30' x 150% = 2,5 giờ x 150% = 3,75 giờ	3,75 giờ
4.	Tiền công 01h Theo nghị định 74/NĐ-CP ngày 30/06/2024: 5.100.797 đ/22 ngày/8h= 29.000 đ	
5.	Tiền quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính = 29.000 đ*3,75 giờ	108.800 đ
6.	Có 17 lớp = 17 cô trực; Tiền công 17 cô trực = 17*108.800đ = 1.849.600đ Số tiền công 1 ngày của các cô trực = 80%	1.479.700đ

7.	QL nề nếp, kỷ cương, tài chính... tiền 20%: $1.849.600đ/80\%*20\%$	462.400đ
-	Cộng số tiền trực trua, QL nề nếp, kỷ cương, tài chính 1 ngày = $1.479.700đ + 462.400đ$	1.942.100đ
-	Bình quân 1 cháu phải nộp 1 ngày = $1.942.100đ/453$	4.300đ
8.	Dự kiến mức thu một ngày	5.000đ

IV. Tiền nước uống cho học sinh

TT	Nội dung chi	ĐV tính	SL	Đơn giá dự toán	Thành tiền	Ghi chú
1	Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, xét nghiệm nước đảm bảo ATVS				13.090.000	
-	Kiểm tra và phục hồi vật liệu	Công	4	0		
-	Lỗi lọc số 1	Cái	4	300.000	1.200.000	
-	Lỗi lọc số 2	Cái	4	450.000	1.800.000	
-	Lỗi lọc số 3	Cái	4	500.000	2.000.000	
-	Màng RO	Bộ	1	3.900.000	3.900.000	
-	Bảo dưỡng máy bơm	Bộ	1	500.000	500.000	
-	Chi phí kiểm định kết quả chất	Lần	1	2.500.000	2.500.000	
	Cộng				11.900.000	
	VAT 10%				1.190.000	
	Tổng thanh toán				13.090.000	
2	Mua nước sạch	M3	500	12.000	6.000.000	
3	Sửa chữa hệ thống đường dẫn nước sạch,				12.725.000	

	thay thế máy bơm bị hỏng...					
4	Mua bơm sung cốc cho trẻ	Cái	200	30.000	6.000.000	
5	Chi thay thế bơm sung tét nước	Cái	2	2.500.000	5.000.000	
Tổng cộng					42.845.000	
	Số tiền/1HS/năm = 42.845.000đ : 476HS = 94.500đ/1HS/năm					94.500đ
	Số tiền/1HS/tháng = 94.500/1HS/năm : 9 tháng = 10.400đ/1HS/tháng					10.000đ
	Dự kiến mức thu một tháng					10.000đ

V. Tiền ăn bán trú :

1.	Tiền ăn	20.000đ
2.	Tiền chất đốt (Tiền ga + Tiền điện)	1.500đ
3.	Phụ Phí	500đ
4.	Bình quân 1 cháu phải nộp 1 ngày là :	22.000đ
5.	Dự kiến mức thu một ngày	22.000đ

1. Tiền ăn: 20.000đ/ ngày:

* Dự toán chi:

+ Mẫu giáo (1 bữa chính + 1 bữa phụ): Định mức nuôi: 20.000 đồng (55% năng lượng ngày)

Bữa chính 12.300 đồng (34% năng lượng cả ngày)

Bữa phụ 4.700 đồng sữa + 3.000 đồng cháo, bún, miến...(21% năng lượng cả ngày)

+ Nhà trẻ (2 bữa chính + 1 bữa phụ): Định mức nuôi: 20.000 đồng (70% năng lượng cả ngày)

Bữa chính 9.700 đồng (34% năng lượng cả ngày)

Bữa phụ 2.600 đồng sữa (9% năng lượng cả ngày)

Bữa chính chiều: 7.700 đồng (27% năng lượng cả ngày)

* Dự toán thu:

Số tiền thu 1 tháng : 20.000đ x 1HS/22 ngày ăn = 440.000đ/HS/tháng

2. Tiền chất đốt, hỗ trợ tiền điện: 1.500 đ/ngày

* Dự toán chi:

TT	Nội dung chi	ĐV tính	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Tiền ga	Kg	17kg/ngày x 22 ngày =374 kg/tháng	32.000	11.968.000	
2	Tiền điện phục vụ nuôi ăn bán trú trả theo hóa đơn hàng tháng của công ty điện lực(Các thiết bị dùng điện của nhà bếp là: Nồi cơm điện, máy xay bát, tủ lạnh, máy xay thịt, máy xay cua, máy lọc nước, máy hút mùi, quạt trần, quạt treo tường, bóng điện):				3.242.000	
3	Bảo dưỡng bảo trì bếp ga và thay van ga, dây dẫn ga, lõi bếp ga				200.000	
Tổng cộng					15.510.000	

Dự kiến mức thu 1 hs: 15.210.000/453hs /22 ngày = 1.500đ/HS/ngày

12	Rá nhựa F40	Chiếc	20	18.000	360.000	
13	Thớt nhựa chữ nhật	Chiếc	4	105.000	420.000	
14	Đánh trứng	Chiếc	1	20.000	20.000	
15	Đũa xào	Đôi	2	10.000	20.000	
16	Gáo múc canh	Chiếc	1	250.000	250.000	
17	Xô Inox loại có nắp 14 lít	Chiếc	1	620.000	620.000	
18	Bình nóng lạnh Rossi Classic PCC30SQ 30 lít	Chiếc	1	3.400.000	3.400.000	
Tổng cộng					30.817.000	

*** Dự toán thu:**

Số tiền thu/ trẻ: 30.817.000đ :123trẻ = 250.000đ/trẻ/năm

Trường mầm non Nghĩa Châu lập dự toán thu chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025- 2026 như trên, đề nghị các phụ huynh học sinh cho ý kiến để nhà trường thực hiện các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, cụ thể như sau:

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền nước uống cho học sinh dự kiến	10.000đ/HS/tháng	
2	Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh dự kiến	18.000đ/HS/tháng	
3	Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú dự kiến	100.000đ/HS/tháng	
4	Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính dự kiến	5.000đ/HS/ngày	
5	Tiền ăn bán trú dự kiến	22.000đ/HS/ngày	
6	Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú dự kiến	250.000đ/HS/năm	

Nghĩa Châu, ngày 06 tháng 10 năm 2025

KÊ TOÁN



Ngô Thị Thảo



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Nhài